

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18/3/2026

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Xây.

Bà Trần Thị Xuân Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực x – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực x - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực x - Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2026/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; CCCD số 049189004438 do Bộ Công an cấp ngày 09/12/2024; trú tại: Quang Trung, xã K, thành phố Đà Nẵng

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Q, sinh năm 1987; CCCD số 040087027692 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 01/9/2021; trú tại: Quang Trung, xã K, thành phố Đà Nẵng

Tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2026, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị với Anh Nguyễn Quốc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Quảng Nam cũ (nay là xã Khâm Đức, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 30/6/2017. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2019, chị đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng nhận thấy con còn nhỏ nên chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nuôi con. Tuy nhiên, thời gian sau đó, các bên vẫn thường xuyên mâu thuẫn. Khoảng 6 tháng trở lại đây,

vợ chồng ly thân. Chị T nhận thấy không còn tình cảm với Anh Q nữa nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Quốc Q.

Về con chung: Chị với Anh Q có một con chung tên là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/11/2018. Khi ly hôn, Chị T đồng ý giao con chung cho Anh Nguyễn Quốc Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị mong muốn được tự thỏa thuận phân chia với Anh Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Anh Nguyễn Quốc Q trình bày: Anh Q nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Hiện tại vợ chồng vẫn chung sống một nhà, cùng nuôi con nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh Q thừa nhận anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/11/2018. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Anh Q không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh Q mong muốn thỏa thuận phân chia với Chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực x – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T; xử cho Chị T được ly hôn Anh Q; giao Cháu Nguyễn Hải Đ cho Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; Chị T không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với Anh Nguyễn Quốc Q. Anh Q có nơi cư trú tại xã Khâm Đức, thành phố Đà Nẵng. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đà Nẵng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và Anh Nguyễn Quốc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Quảng Nam cũ (nay là xã K, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 30/06/2017 theo Giấy kết hôn số 29/2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình. Năm 2019, Chị T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh Q nhưng do thương con còn nhỏ nên đã rút lại đơn. Đến nay, hai vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Chị T nhận thấy không còn quan tâm, yêu thương Anh Q nữa. Chị T cho rằng, giữa chị và Anh Q sống ly thân gần 6 tháng nay. Như vậy, đủ cơ sở xác định giữa Chị T và Anh Q đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T đối với Anh Q.

- Về con chung: Chị T và Anh Q có 01 con chung tên là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/11/2018. Khi ly hôn Chị T có nguyện vọng giao con cho Anh Q nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, Chị T không cấp dưỡng. Anh Q cũng đồng ý nhận nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của Cháu Đ. Hiện tại Anh Q có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đủ điều kiện để nuôi con chung. Do đó, cần giao Cháu Đ cho Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị T đối với Anh Nguyễn Quốc Q về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị T ly hôn Anh Nguyễn Quốc Q.

2. Về con chung: Giao Cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/11/2018 cho Anh Nguyễn Quốc Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) Chị Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Chị T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000600 ngày 19/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/3/2026).

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực x;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Liêm